TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 15-8-2025
V/v tranh chấp "Yu cầu tuyn bố hợp đồng lao động vơ hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Chính.
2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai .

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 36/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn B, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là thôn P, xã Â, tỉnh Gia Lai).

2. Bị đơn: Công ty TNHH U.
Địa chỉ: 1, khu công nghiệp L (A), phường L, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Diễm T – Nhân viên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ: B, đường H, phường T, tỉnh Đồng Nai.
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (đã chết).
Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H:
1. Ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1971.
Cùng địa chỉ: Đ, thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là thôn P, xã Â, tỉnh Gia Lai).
2. Anh Cái Xuân Huy T1, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2010, bà P và bà Nguyễn Thị H ở chung phòng trọ với nhau. Sau đó bà H tự ý lấy chứng minh nhân dân của bà P đi xin việc tại Công ty TNHH U từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến ngày 30 tháng 4 năm 2015 và được cấp sổ BHXH mã số 7510070123. Đến tháng 10 năm 2023 bà H chết theo giấy khai tử số 33/TLKT và chưa rút sổ bảo hiểm xã hội một lần.

Gần đây khi rút bảo hiểm xã hội thì bà phát hiện ra việc trùng lặp thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội nên không rút bảo hiểm xã hội được. Nay yêu cầu Tòa án:

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH U từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến ngày 30 tháng 4 năm 2015 vô hiệu, vì hợp đồng vi phạm nguyên tắc "Trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH U trình bày:

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH U từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến ngày 30 tháng 4 năm 2015 vô hiệu thì công ty đồng ý. Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty đồng ý với yêu cầu trên, không có ý kiến gì khác. Công ty không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả nào khác của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Người có quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai do bà Đinh Thị Phương H1 trình bày:

Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị H (mang tên Lê Thị P) với Công ty TNHH U từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2015 được cấp sổ BHXH mã số 7510070123 thuộc trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là ông V, bà N và ông T1 thống nhất trình bày:

Đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH U từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến ngày 30 tháng 4 năm 2015 vô hiệu và không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả nào khác của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Theo Văn bản số 298/VKS-LĐ ngày 09/8/2025, Viện kiểm sát thấy các đương sự tự cung cấp chứng cứ, Toà án không thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp không tham gia phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào quan hệ lao động và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH U có địa chỉ trụ sở tại số A, khu công nghiệp L (A), phường L, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại sự khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo trình bày của các đương sự thì bà Nguyễn Thị H có mượn hồ sơ của bà Lê Thị P ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH U từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2015, được cấp sổ BHXH mã số 7510070123. Theo thông tin do Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ thì bà Nguyễn Thị H mượn hồ sơ của bà Lê Thị P để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty TNHH U từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2015 được cấp sổ BHXH mã số 7510070123; như vậy bà Lê Thị P, sinh ngày 21/07/1991, số CMND 215155091, số CCCD 052191021541; hiện có 02 sổ BHXH (7510070123, 7411073165) có thời gian đóng BHXH trùng nhau.

Như vậy, Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị H (mang tên Lê Thị P) với Công ty TNHH U từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2015 thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16 và khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Bà Lê Thị P không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và các đương sự khác không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị P yêu cầu tuyên bô Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị H (mang tên Lê Thị P) với Công ty TNHH U từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2015 vô hiệu là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà P được chấp nhận nên Công ty TNHH U phải chịu án phí là số tiền 300.000đ. Tuy nhiên, bà P tự nguyện chịu thay công ty số tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32; 35; 39; 147; 227; 228; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 13; 15; 16; 18; 21 và Điều 49 Bộ luật Lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P về việc "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"* đối với Công ty TNHH U.

Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Lê Thị P (do bà Nguyễn Thị H ký kết) với Công ty TNHH U từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2015 (được cấp sổ BHXH mã số 7510070123) vô hiệu.

2. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007495 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Bà P đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND KV1 - Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- PTHADS KV1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn